

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Kết quả đánh giá năng lực cạnh tranh cấp huyện, thị xã, thành phố tỉnh Bình Thuận năm 2020**  
(Kèm theo Quyết định số: 2072 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2021  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận)

| Số TT | Cấp huyện, thị xã, thành phố | Điểm tổng hợp | Xếp hạng | Nhóm <sup>1</sup> | Chỉ số thành phần chưa được đánh giá tốt                                                      |
|-------|------------------------------|---------------|----------|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1     | Huyện Đức Linh               | 69,90         | 1/10     | Tốt               | Tính ứng dụng CNTT; Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất.                            |
| 2     | Huyện Hàm Thuận Nam          | 69,47         | 2/10     | Khá tốt           | Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; Tính năng động và hiệu lực thi hành.                    |
| 3     | Huyện Phú Quý                | 69,10         | 3/10     | Khá tốt           | Cạnh tranh bình đẳng; Thiết chế pháp lý.                                                      |
| 4     | Thị xã LaGi                  | 68,54         | 4/10     | Khá tốt           | Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; Tính năng động và hiệu lực thi hành; Thiết chế pháp lý. |
| 5     | Huyện Hàm Thuận Bắc          | 68,45         | 5/10     | Khá tốt           | Chi phí thời gian; Cạnh tranh bình đẳng.                                                      |

<sup>1</sup> Việc phân nhóm dựa trên độ lệch chuẩn và giá trị trung vị điểm số DDCI của cấp huyện, thị xã, thành phố; theo đó, với trung vị là 68,41 và độ lệch chuẩn 1,32; phân nhóm, cụ thể như sau:  
+ Nhóm Tốt: điểm số từ 69,74 trở lên;  
+ Nhóm Khá tốt: điểm số từ 68,41 đến dưới 69,74;  
+ Nhóm Khá: điểm số từ 67,09 đến dưới 68,41;  
+ Nhóm Trung bình khá: điểm số dưới 67,09.

|    |                      |       |       |                  |                                                                                                                                                                                                                                |
|----|----------------------|-------|-------|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 6  | Huyện Tánh Linh      | 68,35 | 6/10  | Khá              | Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; Tính năng động và hiệu lực thi hành; Chi phí thời gian; Cạnh tranh bình đẳng; Hỗ trợ doanh nghiệp; Thiết chế pháp lý; Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất; Tính ứng dụng CNTT. |
| 7  | Huyện Hàm Tân        | 68,25 | 7/10  | Khá              | Chi phí thời gian; Chi phí không chính thức; Hỗ trợ doanh nghiệp; Thiết chế pháp lý; Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất; Tính ứng dụng CNTT.                                                                        |
| 8  | Huyện Tuy Phong      | 67,90 | 8/10  | Khá              | Cạnh tranh bình đẳng; Hỗ trợ doanh nghiệp; Thiết chế pháp lý; Tính năng động và hiệu lực thi hành.                                                                                                                             |
| 9  | Huyện Bắc Bình       | 67,44 | 9/10  | Khá              | Hỗ trợ doanh nghiệp; Tính ứng dụng CNTT; Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất.                                                                                                                                        |
| 10 | Thành phố Phan Thiết | 65,10 | 10/10 | Trung bình - Khá | Hầu hết các chỉ số đứng gần và cuối bảng.                                                                                                                                                                                      |

Theo kết quả đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và cấp huyện, thị xã, thành phố (DDCI) tỉnh Bình Thuận năm 2020 cho thấy cảm nhận tương đối tích cực của cộng đồng doanh nghiệp đối với cấp huyện, thị xã, thành phố; điểm số DDCI trung vị của các huyện, thị xã, thành phố đạt 68,41/100 điểm, không có đơn vị nào có điểm số dưới trung bình (50 điểm). Do vậy, các huyện, thị xã, thành phố cần tiếp tục phát huy.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực vẫn còn một tồn tại, hạn chế mà doanh nghiệp chưa cảm nhận tốt từ phía cấp huyện, thị xã, thành phố, vì vậy từng huyện, thị xã, thành phố cần tiếp tục tập trung, đề ra giải pháp quyết liệt hơn nữa để cải thiện các số chỉ số thành phần trong thời gian tới./.